

Bản án số: 37/2018/HSST
Ngày 18 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị A.

Ông Hoàng Thiên Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/Lâm Văn N; sinh năm: 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường A, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn T và bà: Huỳnh Thị N; có vợ: Võ Thị Trung A và 01 con (sinh năm 2000); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: (ngày 26/02/1993 bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo bản án số 81/HSPT, ngày 14/3/1997 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 107/HSST, ngày 01/9/2015 bị Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “xâm phạm trật tự, an toàn xã hội” theo quyết định số 22761/QĐ-XPHC); bị bắt giữ ngày: 15/10/2017, tạm giữ ngày: 15/10/2017, bị tạm giam ngày: 23/10/2017.

2/Trần Minh L; sinh năm: 1988 tại Sóc Trăng; Nơi thường trú: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: khu phố A, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bốc vác; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần văn H (chết) và bà: Châu Thị Ngọc H; có vợ: Phạm Thị Hồng T và 01 con (sinh năm 2012); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo đang tại ngoại.

(Các bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Công ty CPĐT XD C (vắng mặt).

Địa chỉ: đường X, Phường F, quận N, TP.HCM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Ông Vũ Hoài T – Sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Thường trú: đường T, phường Q, Quận K, TP.HCM.

2/Bà Hoàng Thị L – Sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Trú tại: đường S, xã K, huyện B, TP.HCM.

3/Công ty TNHH XDTMDV N (vắng mặt).

Địa chỉ: đường C, Phường B, quận T, TP.HCM.

4/Ông Vũ Tiến S – Sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: đường J, Phường N, quận T, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Văn N (là tài xế của Công ty TNHH XDTMDV N) được ông Giang Hồng V giao xe tải để đi chở hàng. Khoảng 20 giờ 00 ngày 17/8/2017, N điều khiển xe tải biển số 51C-305.60 cùng Trần Minh L, T, L1 (không rõ lai lịch, địa chỉ) chở hàng xi măng đến công trình tổ hợp cao ốc Xi Grand Court – địa chỉ: 256-258 đường Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (do Công ty CPĐT XD C đang thi công và quản lý) để giao xi măng. Khi đến vị trí bốc hàng, N nhìn thấy chỉ có mình L dỡ hàng xuống nên đi tìm T, L1; một lúc sau, theo N khai: thấy T đi từ kho hàng của nhà thầu (Công ty C) và nói trong kho có nhiều dây điện, sau đó N đi theo T thì thấy L1 đứng sẵn ở đây, trong kho có nhiều ống đồng máy lạnh, dây điện, máy móc..., cả ba bàn bạc tìm những đồ giá trị trong kho mang đi bán, T lấy 02 cuộn dây đồng mang ra ngoài; trong kho có 01 cái tủ có cánh bằng tôn, L1 dùng kéo cắt ổ khóa lấy đi nhiều dây điện nguyên cuộn và máy móc; cả ba lấy bao tải chất đầy dây điện, máy móc; khoảng 01 giờ sau, N, T, L1 mang các bao tải đưa lên xe. Lúc này, L vẫn còn đang dỡ xi măng xuống nên T lại phụ; sau khi dỡ hàng xong, N điều khiển xe chạy ra cổng; bảo vệ công trình yêu cầu dừng xe lại kiểm tra, L chạy ra dỡ bạt rồi leo lên xe lại; lúc này, N điều khiển xe chạy thẳng qua cổng không để cho bảo vệ kiểm tra. Sau khi ra khỏi công trình, thông qua cuộc nói chuyện giữa N, T, L1 và T gọi

cho anh Vũ Hoài T hỏi bán số cuộn dây điện mới chiếm đoạt được; lúc này, L nghe và biết rằng các tài sản có trên xe là do N, T và L1 trộm cắp tại công trình mà có, T thỏa thuận giá xong thì hướng dẫn N chạy đến trước nhà số 73 đường 23, phường Tân Quy, Quận 7, N dừng xe để L, T, L1 khiêng các bao tải xuống; tại đây, L1 cùng N bán tổng cộng 245 cuộn dây điện với giá 77.000.000 đồng (số tiền này do L1 giữ); T tiếp tục điều khiển xe tải chở L đến tiệm phế liệu số đường S, xã K, huyện B; L phụ Tú mang 02 cuộn dây đồng (tổng cộng là 33 kg) bán cho chị Hoàng Thị L với giá 3.465.000 đồng (L giữ số tiền này). Đến 00 giờ ngày 18/8/2017, T chở L đến kho Hải Vân tại đường số 1, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè; T, L mang 03 bao tải còn lại gửi vào trong kho Hải Vân, để tiếp tục tìm người bán. Sau đó T điều khiển xe đến cầu Kênh Tẻ, Quận 4 đón N và L1; lúc này, L đưa tiền cho L1, L1 chia tiền cho N, T, L, theo N là nhận được 20.000.000 đồng, còn L khai nại là sau khi kiểm tra chỉ nhận được 19.500.000 đồng, theo L1 báo lại là còn dư 465.000 đồng và dẫn cả nhóm đi ăn uống hết. Đến khoảng 09 giờ 00 ngày 18/8/2017, Trần Minh L đến công trình Xi Grand Court gặp anh V thì bị Công an Phường 14, Quận 10 mời về trụ sở làm việc; Công an Phường 14, Quận 10 đã lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Căn cứ vào lời khai của L và qua truy xét, ngày 15/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 bắt khẩn cấp đối với Lâm Văn N và sau đó quyết định khởi tố điều tra đối với Lâm Văn N về hành vi “Trộm cắp tài sản” và Trần Minh L về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tài sản bị chiếm đoạt là: 245 cuộn dây cáp điện lực hạ thế các loại, 33 kg ống đồng, 51,3 kg cáp điện lực hạ thế cắt vụn, 01 ổ khóa Việt Tiệp (của nhà thầu công ty C) và 01 hộp nhựa, 01 đồng hồ đo điện trở cách điện hiệu Kyoritsu model 3005A của Đội thi công M&E Block C Vũ Tiến S, 01 máy bắn vít bằng pin hiệu D cong, 01 máy khoan hiệu Feg model EG-515, 03 máy khoan bê tông hiệu Bosch model GBH 2-24DRE, 02 bóng đèn cao áp Led 100W, 03 máy mài 100mm hiệu Bosch model GWS 750-100, 01 máy khoan bê tông hiệu Feg model 2606SRE 800W, 01 máy cân bằng laser màu xanh lá hiệu Fukuda model EK468GJ, 01 máy đục bê tông hiệu Makita HM 0810TA (của anh Vũ Tiến S gửi tại kho Công ty C). Tại Kết luận định giá tài sản 33/KL-HĐĐG ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận 10 kết luận: tổng giá trị các tài sản bị trộm cắp bao gồm tài sản thu hồi được và không thu hồi được là 140.620.900 đồng. Căn cứ vào lời khai của Trần Minh L, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã thu hồi lại phần lớn các tài sản trả cho Công ty

C và anh Vũ Tiến S, tuy nhiên một số tài sản mà anh Vũ Tiến S gửi giữ chưa thu hồi lại được, bao gồm: 01 máy bắn vít bằng pin hiệu D cong, 01 máy khoan hiệu Feg model EG-515, 03 máy khoan bê tông hiệu Bosch model GBH 2-24DRE, 02 bóng đèn cao áp Led 100W, 03 máy mài 100mm hiệu Bosch model GWS 750-100, 01 máy khoan bê tông hiệu Feg model 2606SRE 800W, 01 máy cân bằng laser màu xanh lá hiệu Fukuda model EK468GJ, 01 máy đục bê tông hiệu Makita HM 0810TA (tất cả để trong 01 bao tải đã bị thất lạc tại kho Hải Vân), qua định giá là: 21.530.000 đồng.

Riêng anh Vũ Hoài T, chị Hoàng Thị L không biết tài sản mình mua là do hành vi phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xử lý đối với anh T và chị L.

Đối với các đối tượng tên L1, T (không rõ lai lịch, địa chỉ), cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục truy xét, khi nào bắt sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra, Trần Minh L đã tự nguyện nộp 20.000.000 đồng, để đảm bảo việc bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan.

Tại Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Lâm Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Trần Minh L về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c, d khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Lâm Văn N, Trần Minh L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Vũ Tiến S): vẫn giữ nguyên lời khai của mình và chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng đối với tài sản không thu hồi lại được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo L còn có thêm các tình tiết: tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, kịp thời khai ra nơi bán và cất tài sản để kịp thời thu hồi, làm giảm bớt tác hại của tội phạm, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bên bị thiệt hại trong vụ án, gia đình lại có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo N đã tác động gia đình cùng bị cáo L bồi thường cho phía bên

bị thiệt hại trong vụ án) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 173; điểm s, a, b, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tương ứng đối với các bị cáo, xử phạt bị cáo Lâm Văn N: từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, Trần Minh L: 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo L cư trú để giám sát trong thời gian thử thách; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện của phía bị cáo N và L bồi thường cho các bên bị thiệt hại trong vụ án.

- Ý kiến của các bị cáo: không có gì tranh luận.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: không còn yêu cầu gì.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với nội dung lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án, vật chứng, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá trị giá các tài sản bị chiếm đoạt cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Lâm Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Trần Minh L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với bị cáo Lâm Văn N đã có hành vi thống nhất ý chí hành động lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, trị giá: 140.620.900 đồng; đồng thời, xét thấy tội danh “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có những quy định có lợi đối với bị cáo so với quy định Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); do vậy mặc dù hành vi của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018; nhưng để đảm bảo nguyên tắc có lợi đối với người phạm tội theo quy định khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo Lâm Văn N bị truy tố và xét xử tương ứng theo điểm e khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Bị cáo Trần Minh L mặc dù không có hứa hẹn từ trước, nhưng khi biết các tài sản do N cùng đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản mà có, L đã có hành vi giúp sức tích cực cùng N và đồng bọn tiêu thụ các tài sản trên, trị giá: 140.620.900 đồng; đồng thời, xét thấy tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có những quy định có lợi đối với người phạm tội so với quy định Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); do vậy mặc dù hành vi của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018; nhưng để đảm bảo nguyên tắc có lợi đối với người phạm tội theo quy định khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo Trần Minh L bị xét xử tương ứng theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Riêng đối với tình tiết thu lợi bất chính lớn của bị cáo chỉ có cơ sở xác định là 19.500.000 đồng, nên chưa có cơ sở định lượng để xét xử bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) [nay là điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)] như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do

vậy dù có chiều cố đến đâu đi nữa, thì các hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị đưa ra xét xử trước pháp luật, cụ thể:

Đối với bị cáo Lâm Văn N có nhân thân không tốt, cụ thể: ngày 26/02/1993 bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo bản án số 81/HSPT, ngày 14/3/1997 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 107/HSST, ngày 01/9/2015 bị Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “xâm phạm trật tự, an toàn xã hội”; mặc dù tất cả đã hết thời hiệu tính tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân, mà tiếp tục phạm tội; do vậy cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương. Về tình tiết tăng nặng: không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho bên bị thiệt hại trong vụ án; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Minh L có nhân thân tốt, chưa từng bị xử lý bằng hình thức trách nhiệm nào, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; lại có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo L còn có thêm các tình tiết: tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, kịp thời khai ra nơi bán và cất tài sản để kịp thời thu hồi, làm giảm bớt tác hại của tội phạm, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bên bị thiệt hại trong vụ án, gia đình lại có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương); đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a, b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) mà Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tương ứng đối với bị cáo như đã phân tích trên; ngoài ra Hội đồng xét xử cần nhận định như sau: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) [nay là khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017)], do vậy căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) (điều luật có lợi đối với người phạm tội) cho bị cáo Trần Minh L hưởng án treo và án

định thời gian thử thách tương ứng đối với bị cáo, giao cho Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã nêu, đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Vũ Tiến S), đã đồng ý và nhận số tiền bồi thường là 3.465.000 đồng từ phía gia đình của bị cáo Lâm Văn N (do bị cáo N tác động), cùng với số tiền còn lại là 16.535.000 đồng từ bị cáo L (đã tự nguyện giao nộp trước đó trong khoản tiền 20.000.000 đồng đã được tạm giữ) và không có yêu cầu gì; do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, trả lại cho anh Vũ Tiến S số tiền 16.535.000 đồng (trong khoản tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo Trần Minh L tự nguyện giao nộp và đã được tạm giữ).

Ngoài ra, xét thấy giao dịch giữa bà Hoàng Thị L có mua của phía N và đồng phạm 02 cuộn dây đồng (tổng cộng là 33 kg) với giá 3.465.000 đồng, nhưng bà L không biết là tài sản do N và đồng phạm phạm tội mà có, bà L cũng đã giao nộp lại cơ quan điều tra 02 cuộn dây đồng (tổng cộng là 33 kg) để tra cho phía bị hại, xét thấy số tài sản 02 cuộn dây đồng (tổng cộng là 33 kg) như đã nêu trên là do chiếm đoạt của phía bị hại, nên giao dịch trên là vô hiệu, đôi bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại những gì đã nhận theo quy định tại Điều 117, 122, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; hơn nữa về phía bà L đã giao nộp lại tài sản trên để trả cho phía bị hại; nên phía N cùng đồng phạm phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 3.465.000 đồng cho bà Hoàng Thị L và tại phiên tòa, L đã tự nguyện đồng ý trả lại khoản tiền 3.465.000 đồng (đã tự nguyện giao nộp trước đó trong khoản tiền 20.000.000 đồng đã được tạm giữ) để trả lại cho bà Hoàng Thị L và không có yêu cầu gì; do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 117, 122, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 trả lại cho bà Hoàng Thị L số tiền 3.465.000 đồng (trong khoản tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo Trần Minh L tự nguyện giao nộp và đã được tạm giữ).

Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Lâm Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Trần Minh L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; điểm e khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lâm Văn N;

Xử phạt bị cáo Lâm Văn N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 323; điểm a, b, s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Minh L;

Xử phạt bị cáo Trần Minh L 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (18/5/2018).

Giao Trần Minh L cho Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú (phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách (Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- Căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 117, 122, 131, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; giao trả các khoản tiền như sau, cụ thể:

*16.535.000 (mười sáu triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn) đồng cho anh Vũ Tiến S.

* 3.465.000 (ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng cho bà Hoàng Thị L.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo N chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo L chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án.

(Đã giải thích chế định án treo)./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Triệu Luật